|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BÌNH PHƯỚC**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** |  | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **CẤP TỈNH THCS NĂM HỌC 2023** - **2024** |
| *(Hướng dẫn chấm có 06 trang)* |  | **Môn: Địa lí**  Thời gian: 150 phút *(không kể thời gian giao đề)*  Ngày thi: 09/3/2024 |

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1  (2,0đ) | **a. Tính giờ, ngày, tháng, năm của các địa điểm**  - Công thức tính giờ: Tm = To + m  - Áp dụng công thức trên tác có kết quả sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Địa điểm** | **Anh** | **Việt Nam** | **Trung Quốc** | **Ô-xtrây-li-a** | **Hoa Kì** | | Múi giờ | 0 | **7** | 8 | 10 | 16 | | Giờ | 17 giờ | **00 giờ** | 01 giờ | 03 giờ | 09 giờ | | Ngày, tháng, năm | 31/12/2023 | **01/01/2024** | 01/01/2024 | 01/01/2024 | 31/12/2023 | | **1,0**  *Mỗi địa điểm đúng được 0,25 đ* |
| **b. Nguyên nhân sinh ra thời kì nóng và thời kì lạnh luân phiên nhau trên Trái Đất**  -Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời và trục Trái Đất nghiêng không đổi phương, nên có thời kì bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, có thời kì bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời.  - Bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu sáng lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt. Là thời kì nóng của bán cầu đó.  - Bán cầu nào không ngả về phía Mặt Trời, thì góc chiếu sáng nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt. Là thời kì lạnh của bán cầu đó. | **1,0**  0,5  0,25  0,25 |
| 2  (3,0đ) | **a. Nguyên nhân vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh và sâu sắc nhất nước ta**  - Có các dãy núi hình cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều mở rộng về phía bắc và phía đông chụm tại Tam Đảo tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc thổi sâu vào.  - Địa hình đồi núi thấp là chủ yếu, ít biến tính gió mùa Đông Bắc.  - Mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước ta (bắt đầu tháng 11 và kết thúc muộn nhất), đón những đợt gió mùa Đông Bắc đầu tiên và cuối cùng. | **1,0**  0,5  0,25  0,25 |
| **b. Tác động của sông ngòi đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta**  - Trong phát triển nông nghiệp:  + Phù sa bồi đắp tạo nên các đồng bằng châu thổ rộng lớn.  + Cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất (nhất là trồng lúa), nước tưới vào mùa khô, thau chua rửa mặn ở đồng bằng sông Cửu Long...  + Phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản nước ngọt.  - Trong công nghiệp: Sông ngòi ở trung du miền núi có giá trị thủy điện lớn.  - Trong ngành dịch vụ: Phát triển giao thông vận tải ở đồng bằng, nhất là Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng, du lịch....  - Khó khăn: Chế độ nước sông phân hóa theo mùa (mùa lũ gây lũ lụt, mùa cạn thiếu nước) gây bất lợi phát triển kinh tế - xã hội. | **2,0**  0,25  0,5  0,25  0,5  0,25  0,25 |
| 3  (2,0đ) | **a. Những đặc điểm đô thị hóa ở nước ta**  -Trình độ đô thị hóa còn thấp, đô thị hóa diễn ra chậm.  - Tỉ lệ dân thành thị còn thấp và có xu hướng tăng nhanh.  - Phần lớn đô thị vừa và nhỏ, phân bố không đều. | **1,0**  0,5  0,25  0,25 |
| **b. Nguyên nhân tỉ lệ thất nghiệp cao ở các đô thị, thiếu việc làm cao ở nông thôn của nước ta**  - Thất nghiệp cao ở đô thị do:  + Mật độ dân số cao, số người trong độ tuổi lao động lớn.  + Trình độ đô thị hóa còn thấp; kinh tế còn chậm phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu việc làm của người lao động...  - Thiếu việc làm cao ở nông thôn do:  + Sản xuất nông nghiệp chủ yếu và có tính mùa vụ.  + Các ngành nghề ở nông thôn còn hạn chế, chưa đa dạng. | **1,0**  0,5  0,5 |
| 4 (2,0đ) | **a. Tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm ở nước ta**  - Là ngành công nghiệp trọng điểm, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta.  - Sản phẩm đa dạng, bao gồm ba nhóm chính:  + Chế biến sản phẩm ngành trồng trọt: xay xát; sản xuất đường, nước ngọt, rượu, bia; chế biến chè, cà phê, dầu thực vật...  + Chế biến sản phẩm chăn nuôi: chế biến thịt, trứng, sữa, thực phẩm đông lạnh, đồ hộp...  + Chế biến thủy sản: nước mắm, sấy khô, sản phẩm đông lạnh...  - Phân bố rộng rãi, tập trung nhiều ở các đô thị lớn: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng.... | **1,0**  0,25  0,5  0,25 |
| **b. Nguyên nhân vận tải đường bộ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hóa của nước ta**  Đường bộ có nhiều ưu điểm vượt trội so với các loại hình vận tải khác  - Tiện lợi, cơ động, thích nghi cao với nhiều dạng địa hình.  - Vận chuyển hàng hóa nặng, tốc độ nhanh.  - Hiệu quả kinh tế cao trên cự li ngắn và trung bình.  - Dễ dàng phối hợp với các loại hình vận tải khác. | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 5  (3,0đ) | **a. Trình bày tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên**  ***\* Tình hình phát triển chung***  - Vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ hai cả nước (sau vùng Đông Nam Bộ).  - Gồm nhiều loại với các cây trồng nguồn nhiệt đới (chiếm ưu thế) và cận nhiệt đới: cây cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu.  ***\* Tình hình sản xuất các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu***  - Cây cà phê:  + Cây trồng quan trọng nhất của vùng. Gồm cà phê chè và cà phê vối...  + Diện tích, sản lượng, năng suất cao nhất cả nước, trong đó Đắk Lắk là tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước.  - Cây chè:  + Diện tích, sản lượng lớn thứ hai cả nước (sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ).  + Tập trung nhiều ở Lâm Đồng và Gia Lai. Trong đó Lâm Đồng là tỉnh có diện tích trồng chè lớn nhất cả nước.  - Cây cao su:  + Diện tích, sản lượng lớn thứ hai cả nước (sau vùng Đông Nam Bộ)  + Tập trung nhiều ở Gia Lai và Đắk Lắk.  - Cây điều và hồ tiêu: diện tích khá lớn, phân bố nhiều ở Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng... | **2,0**  0,25  0,5  0,5  0,5  0,25 |
| **b. Nguyên nhân chăn nuôi lợn phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng**  - Vai trò và đặc điểm của lợn: cung cấp thịt, mỡ, da; thức ăn cần nhiều tinh bột, có thể tận dụng thức ăn thừa của người và phụ phẩm của công nghiệp thực phẩm.  - Nguồn thức ăn dồi dào từ lương thực, thực phẩm và các phụ phẩm khác.  - Dân cư đông đúc, thị trường tiêu thụ rộng lớn. | **1,0**  0,25  0,5  0,25 |
| 6 (4,0đ) | **a. Tính năng suất lúa của nước ta giai đoạn 2012 - 2021**  - Công thức: *(Đơn vị tính: tạ/ha)*  *- Năng suất lúa của nước ta giai đoạn 2012 - 2021*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2012** | **2016** | **2019** | **2021** | | Năng suất *(tạ/ha)* | 56,4 | 55,7 | 58,2 | 60,6 | | **1,0**  *Đúng mỗi năm được 0,25 đ* |
| **b. Vẽ biểu đồ**  - Dạng biểu đồ: Biểu đồ kết hợp cột và đường.  - Yêu cầu vẽ biểu đồ:  + Đảm bảo tính khoa học và tính thẩm mĩ.  + Có ghi đơn vị trên hai cạnh đứng và ngang.  + Ghi số liệu, chú ý khoảng cách năm, chú thích, tên biểu đồ.  **- Chú ý:**  + Nếu học sinh vẽ biểu đồ cột gộp nhóm hai trục tung vẫn chấm điểm tối đa.  + Nếu sai 01 lỗi hoặc thiếu 01 ý thì trừ 0,25 điểm. | **2,0** |
| **c. Nhận xét và giải thích**  ***\* Nhận xét:*** Tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2012 - 2021  - Diện tích lúa giảm liên tục: giảm 522,3 nghìn ha.  - Sản lượng lúa tăng 114,8 nghìn tấn nhưng không liên tục:  + Từ năm 2012 - 2016: giảm 628,8 nghìn tấn.  + Từ năm 2016 - 2020: tăng 743,6 nghìn tấn.  ***\* Giải thích***  - Diện tích lúa nước ta giảm do: Chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng do giá trị kinh tế lúa gạo chưa thật sự cao.  - Sản lượng lúa tăng do: phát triển theo hướng thâm canh, áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất, nên năng suất lúa tăng.  ***Lưu ý:***  - Phần nhận xét nếu thiếu dẫn chứng số liệu thì trừ 0,25 điểm  - Phần giải thích:  + Học sinh giải thích năm 2016 sản lượng lúa giảm do gặp bất lợi về các điều kiện sản xuất (hạn mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long) thì giám khảo cho điểm thưởng.  + Nếu không trình bày như đáp án nhưng đúng thì vẫn chấm điểm do sự thống nhất của giám khảo. | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 7  (3,0đ) | **a. Những tỉnh, thành phố có sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản cao hàng đầu ở nước ta**  - Những tỉnh, thành phố có sản lượng khai thác thủy sản cao: Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Bình Thuận, Bình Định...  - Những tỉnh, thành phố có sản lượng nuôi trồng thủy sản cao: An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Cần Thơ, Bạc Liêu...  ***Lưu ý:*** *HS kể được tên 04 tỉnh, thành trở lên mới cho điểm tối đa.* | **1,0**  0,5  0,5 |
| **b. Nguyên nhân ngành thủy sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long**  ***\* Điều kiện tự nhiên***  - Bờ biển dài, vùng biển rộng lớn và giàu tiềm năng:  + Trữ lượng hải sản và khả năng khai thác hàng năm lớn.  + Có ngư trường trọng điểm Cà Mau - Kiên Giang, gần ngư trường Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu; nhiều bãi tôm bãi cá.  - Ven biển có nhiều bãi triều và cánh rừng ngập mặn lớn.  - Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc.  - Khí hậu nóng và ổn định, ít ảnh hưởng bão nên phát triển quanh năm.  ***\* Điều kiện kinh tế - xã hội***  - Lao động đông, có kinh nghiệm và truyền thống khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản.  - Thị trường tiêu thụ rộng lớn (trong nước, ngoài nước).  - Công nghiệp chế biến và các dịch vụ thủy sản phát triển.  - Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. | **2,0**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 8  (1,0đ) | **Nguyên nhân cần đẩy mạnh việc sản xuất và sử dụng các nguồn năng lượng mới ở nước ta hiện nay**  - Kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu sử dụng năng lượng càng tăng.  - Việc sử dụng năng lượng truyền thống chiếm ưu thế, nhưng có nhiều hạn chế: tài nguyên không phục hồi được, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường...  - Ưu điểm của các nguồn năng lượng mới (năng lượng Mặt Trời, địa nhiệt, gió,...): không bị hao kiệt, thân thiện với môi trường, phân bố rộng, tiềm năng dồi dào...  - Sự tiến bộ của khoa học - công nghệ ở nước ta thúc đẩy việc sử năng lượng mới. | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Tổng điểm** | | **20,0** |

**Lưu ý:**

- Nếu thí sinh không trình bày như hướng dẫn chấm, nhưng nội dung vẫn đảm bảo thì vẫn chấm điểm tối đa.

- Học sinh phân tích bài sâu sắc thì giám khảo thống nhất cho điểm thưởng. Tuy nhiên điểm thưởng + điểm phần thí sinh làm đúng hướng dẫn không được quá số điểm quy định đối với từng câu.

---------**Hết**--------